

Số: 304/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 06 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Hữu Q**, sinh năm: 1989; địa chỉ: 8/20/120 Điện Biên Phủ, phường Tr, thành phố H, tỉnh J.

Bị đơn: **Chị Bùi Thị A**, sinh năm: 1989; địa chỉ: 8/20/120 Điện Biên Phủ, phường Tr, thành phố H, tỉnh J.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu Q và chị Bùi Thị A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Q và chị A xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Nhã Ph, sinh ngày: 13/01/2016. Anh Q và chị A thoả thuận giao con Nguyễn Ngọc Nhã Phương cho chị Bùi Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về tài sản chung:** Anh Q, chị A xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Q, chị A xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Q, chị A thỏa thuận anh Q sẽ chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 009867 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế; Nay được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Truân, thành phố Huế;
(ĐKKH số 40 ngày 08/4/2015)
- Lưu án;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền